

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 08 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Huệ

2. Ông Nguyễn Tấn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 08 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1992. Địa chỉ: **ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang** (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Tuấn K**, sinh năm 1987. Địa chỉ: **ấp P, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị **Nguyễn Thị M** trình bày và yêu cầu như sau:**

Chị và anh **K** chung sống vào năm 2011, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, anh **K** thường hay uống rượu, khi về nhà thì thường hay chửi và đánh chị nhiều lần, vợ chồng thường hay cãi nhau và đã ly thân nhau từ năm 2012 đến nay,

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên **Nguyễn Thị Bảo T**, sinh ngày 17/04/2012, hiện nay đang sống chung với chị.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai.

Chị **M** yêu cầu được ly hôn với anh **K**, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị **M** xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

** Bị đơn anh Nguyễn Tuấn K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nên không có lời trình bày.*

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị **M** và anh **K** là vợ chồng; giao con chung tên **Nguyễn Thị Bảo T**, sinh ngày 17/04/2012 cho chị **M** tiếp tục nuôi dưỡng, chị **M** không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh **K** thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật (vắng mặt) nên vụ án được xác định là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đến nơi cư trú của anh **K** để lấy lời khai nhưng anh **K** không có mặt tại nơi cư trú nên không lấy lời khai anh **K** được. Ngày 31/05/2024 chị **M** nộp đơn xin xét xử vắng mặt. Ngày 15/07/2024 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và phiên tòa được mở ngày hôm nay.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị M** và anh **Nguyễn Tuấn K** chung sống với nhau vào năm 2011, nhưng đến nay anh chị chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*UBND xã nơi một trong hai người cư trú*). Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 (*có hiệu lực ngày 01/01/2015*) nên thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*” và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết*

hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”. Do đó, nay chị **M** có yêu cầu ly hôn với anh **K** thì Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quyết định bằng bản án, tuyên bố không công nhận chị **Nguyễn Thị M** và anh **Nguyễn Tuấn K** là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị **Nguyễn Thị M** xác định, chị **Nguyễn Thị M** và anh **Nguyễn Tuấn K** có 01 con chung tên **Nguyễn Thị Bảo T**, sinh ngày 17/04/2012, hiện nay đang sống chung với chị **M**. Chị **M** yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên **Nguyễn Thị Bảo T**, sinh ngày 17/04/2012. Xét yêu cầu của chị **M** là phù hợp với nguyện vọng của cháu **T** tại đơn trình bày nguyện vọng ghi ngày 26/09/2023 của cháu **T** và nguồn thu nhập hàng tháng của chị **M** cũng đảm bảo cho việc nuôi con chung nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu của chị **M**. Giao con chung tên **Nguyễn Thị Bảo T**, sinh ngày 17/04/2012 cho chị **M** tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Nguyễn Thị M** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị **Nguyễn Thị M** xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **Nguyễn Thị M** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Nguyễn Thị M** và anh **Nguyễn Tuấn K**.

- *Về quan hệ con chung:* Giao con chung tên **Nguyễn Thị Bảo T**, sinh ngày 17/04/2012 cho chị **Nguyễn Thị M** tiếp tục nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị **Nguyễn Thị M** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị **Nguyễn Thị M** xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Chị **Nguyễn Thị M** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005219 ngày 29/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị **M** đã nộp xong.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt, chị **Nguyễn Thị M** và anh **Nguyễn Tuấn K** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- Lưu HS, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

